

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HLT VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN HLT VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINA HLT DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VINA HLT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110363711

3. Ngày thành lập: 24/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 54, Tổ 9, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903248085

Fax:

Email: Hltvina55@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung,	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển,	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649

21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; vật liệu lắp đặt trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
31.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
32.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
33.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
34.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
35.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
38.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
39.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
40.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
41.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
42.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
43.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
44.	Lập trình máy vi tính	6201
45.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
46.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
47.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

48.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
49.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
50.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)	6619
51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
52.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	6920
53.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
54.	Cho thuê xe có động cơ	7710
55.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4719
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
62.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
63.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
64.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
67.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
68.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
69.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
70.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

71.	Sản xuất đường	1072
72.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
73.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
74.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
75.	Sản xuất chè	1076
76.	Sản xuất cà phê	1077
77.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
78.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
79.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
80.	Sản xuất rượu vang	1102
81.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
82.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
83.	Sản xuất sợi	1311
84.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
85.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
86.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
87.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
88.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
89.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
90.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
91.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
92.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
93.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
94.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
95.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
96.	Sản xuất giày, dép	1520
97.	In ấn	1811
98.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
99.	Sao chép bản ghi các loại	1820
100.	Sản xuất than cốc	1910
101.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
102.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
103.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
104.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
105.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
106.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
107.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Trừ hóa chất nhà nước cấm)	2029

108.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
109.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
110.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
111.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
112.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
113.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
114.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
115.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
116.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
117.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
118.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
119.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
120.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
121.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
122.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
123.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
124.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
125.	Vận tải đường ống	4940
126.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
127.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
128.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
129.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
130.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
133.	Bốc xếp hàng hóa	5224

134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
135.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
136.	Bưu chính	5310
137.	Chuyển phát	5320
138.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
139.	Cơ sở lưu trú khác	5590
140.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
141.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
142.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động của phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5629
143.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ hoạt động của phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5630
144.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
145.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
146.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
147.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
148.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
149.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
150.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
151.	Đại lý du lịch	7911
152.	Điều hành tua du lịch	7912
153.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
154.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
155.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
156.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
157.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
158.	Sản xuất nhạc cụ	3220
159.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
160.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

161.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
162.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
163.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
164.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
165.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
166.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
167.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
168.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
169.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
170.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
171.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
172.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
173.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
174.	Thu gom rác thải độc hại	3812
175.	Tái chế phế liệu	3830
176.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
177.	Xây dựng nhà để ở	4101
178.	Xây dựng nhà không để ở	4102
179.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
180.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
181.	Xây dựng công trình điện	4221
182.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
183.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
184.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
185.	Xây dựng công trình thủy	4291
186.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
187.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
188.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
189.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311
190.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
191.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
192.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
193.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

194.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
195.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
196.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
197.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
198.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
199.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
200.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
201.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
202.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
203.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
204.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí) (Trừ hoạt đầu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 16/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001185044528

Ngày cấp: 23/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kinh Nỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kinh Nỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083057552

Ngày cấp: 23/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kinh Nỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kinh Nỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội